Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2933.61.00

Mã HS	2933.61.00
Mô tả hàng hóa	Hợp chất dị vòng chỉ chứa (các) dị tố ni tơ / - Hợp chất chứa một vòng triazin chưa ngưng tụ (đã hoặc chưa hydro hóa) trong cấu trúc: / - - Melamin
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	03/11/2026 22:14:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29336100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4374
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4374
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4374
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, ID)	0% (trừ KH, ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4330
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4291
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4291
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4291
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4291
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4291
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4291
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4329
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4329

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4329
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4329
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4329
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4329
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4333
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4333
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4333
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4333
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4333
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4333
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4333
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4297
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4293
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4293
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4293
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4293
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4293
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4293
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4293
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4293
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4293
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4293
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4293
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4293
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4340
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4340

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4340
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4340
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4340
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4340
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4337
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4337
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4337
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4337
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4337
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4337
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4345
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4345
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4345
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4345
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4345
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4345
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4316
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4316
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4316
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4316
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4316
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4316
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4318
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4318
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4318
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4318

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4318
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4318
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4316
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4316
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4316
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4316
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4316
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4316
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4316
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4337
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4337
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4337
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4337
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4337
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4337
RCEP B	2022	2022	0	B!D4337
RCEP B	2023	2023	0	B!E4337
RCEP B	2024	2024	0	B!F4337
RCEP B	2025	2025	0	B!G4337
RCEP B	2026	2026	0	B!H4337
RCEP B	2027	2027	0	B!I4337
RCEP C	2022	2022	0	C!D4337
RCEP C	2023	2023	0	C!E4337
RCEP C	2024	2024	0	C!F4337
RCEP C	2025	2025	0	C!G4337
RCEP C	2026	2026	0	C!H4337

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4337
RCEP D	2022	2022	0	D!D4337
RCEP D	2023	2023	0	D!E4337
RCEP D	2024	2024	0	D!F4337
RCEP D	2025	2025	0	D!G4337
RCEP D	2026	2026	0	D!H4337
RCEP D	2027	2027	0	D!I4337
RCEP E	2022	2022	0	E!D4340
RCEP E	2023	2023	0	E!E4340
RCEP E	2024	2024	0	E!F4340
RCEP E	2025	2025	0	E!G4340
RCEP E	2026	2026	0	E!H4340
RCEP E	2027	2027	0	E!I4340
RCEP F	2022	2022	0	F!D4337
RCEP F	2023	2023	0	F!E4337
RCEP F	2024	2024	0	F!F4337
RCEP F	2025	2025	0	F!G4337
RCEP F	2026	2026	0	F!H4337
RCEP F	2027	2027	0	F!I4337
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3991
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3991
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3991
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3991

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2933.61.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2933.61.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4374), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.